

thấy: Thời gian sống thêm không tiến triển trung bình là $6,95 \pm 3,89$ tháng, trung vị là 6,02 tháng. Thời gian sống thêm không tiến triển dài hơn ở nhóm bệnh nhân di căn ≤ 2 vị trí.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Sung H, Ferlay J, Siegel RL, et al.** Global Cancer Statistics 2020: GLOBOCAN Estimates of Incidence and Mortality Worldwide for 36 Cancers in 185 Countries. *CA Cancer J Clin.* 2021;71(3):209-249. doi:10.3322/caac.21660
2. **Koizumi W, Narahara H, Hara T, et al.** S-1 plus cisplatin versus S-1 alone for first-line treatment of advanced gastric cancer (SPIRITS trial): a phase III trial. *Lancet Oncol.* 2008;9(3):215-221. doi:10.1016/S1470-2045(08)70035-4
3. **Yamada Y, Higuchi K, Nishikawa K, et al.** Phase III study comparing oxaliplatin plus S-1 with cisplatin plus S-1 in chemotherapy-naïve patients with advanced gastric cancer. *Ann Oncol.* 2015; 26(1):141-148. doi:10.1093/annonc/ mdu472
4. **Lee KW, Chung IJ, Ryu MH, et al.** Multicenter phase III trial of S-1 and cisplatin versus S-1 and oxaliplatin combination chemotherapy for first-line treatment of advanced gastric cancer (SOPP trial). *Gastric Cancer Off J Int Gastric Cancer Assoc Jpn Gastric Cancer Assoc.* 2021;24(1):156-167. doi:10.1007/s10120-020-01101-4
5. **Nguyễn Minh Phương.** Đánh giá kết quả phác đồ TS1-Cisplatin trong điều trị bước một ung thư dạ dày giai đoạn muộn tại bệnh viện K. Thesis. ĐHY; 2020.

Kiến thức và Thái độ sử dụng insulin của người bệnh đái tháo đường tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định năm 2022

Vũ Thị Hồng Nhung¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu này nhằm xác định kiến thức và thái độ về sử dụng insulin của người bệnh đái tháo đường (ĐTĐ) tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định năm 2022, từ đó đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý bệnh nhân ĐTĐ sử dụng insulin. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang, thực hiện trên 105 người bệnh ĐTĐ điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2022. Dữ liệu được thu thập thông qua bộ câu hỏi khảo sát và phân tích bằng phần mềm SPSS 16.0. **Kết quả:** Tỷ lệ người bệnh có kiến thức đúng về sử dụng insulin đạt 33,3%, trong khi đó 74,3% có thái độ tích cực. Các yếu tố liên quan đến kiến thức bao gồm trình độ học vấn ($p < 0,05$) và số bệnh lý phối hợp ($p < 0,05$). Thời gian mắc bệnh và khu vực sống có ảnh hưởng đến thái độ sử dụng insulin. **Kết luận:** Kiến thức của người bệnh về insulin còn hạn chế, cần tăng cường các chương trình giáo dục sức khỏe và tư vấn y tế nhằm cải thiện nhận thức và nâng cao chất lượng điều trị. **Từ khóa:** Đái tháo đường, insulin, kiến thức, thái độ.

SUMMARY

ASSESSMENT OF KNOWLEDGE AND ATTITUDES TOWARD INSULIN USE AMONG DIABETIC PATIENTS AT NAM DINH GENERAL HOSPITAL IN 2022

Objective: This study aims to assess the knowledge and attitudes toward insulin use among

diabetic patients at Nam Dinh General Hospital in 2022 and propose measures to improve diabetes management. **Methods:** A cross-sectional study was conducted on 105 diabetic patients receiving treatment at Nam Dinh General Hospital from February to May 2022. Data were collected through a structured questionnaire and analyzed using SPSS 16.0. **Results:** The proportion of patients with correct knowledge about insulin use was 33.3%, while 74.3% had a positive attitude. Factors associated with knowledge included educational level ($p < 0.05$) and comorbid conditions ($p < 0.05$). Disease duration and residential area influenced patients' attitudes toward insulin use. **Conclusion:** Patients' knowledge about insulin remains limited. Strengthening health education programs and medical counseling is necessary to improve awareness and enhance treatment quality. **Keywords:** Diabetes mellitus, insulin, knowledge, attitude.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đái tháo đường (ĐTĐ) là một trong những bệnh lý rối loạn chuyển hóa phổ biến nhất hiện nay, với tỷ lệ mắc bệnh gia tăng nhanh chóng trên toàn cầu. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), số người mắc ĐTĐ trên toàn thế giới dự kiến sẽ tăng từ 221 triệu người năm 2010 lên 300-339 triệu người vào năm 2025. Ở Việt Nam, tốc độ gia tăng ĐTĐ thuộc hàng nhanh nhất thế giới, với tỷ lệ mắc mới hàng năm lên đến 8-10%. Trong điều trị ĐTĐ, insulin đóng vai trò quan trọng trong kiểm soát đường huyết, giúp phòng ngừa biến chứng nguy hiểm. Tuy nhiên, việc sử dụng insulin không đúng cách có thể gây ra các tác dụng phụ như hạ đường huyết, tăng đường huyết hồi ứng hoặc phản ứng tại chỗ tiêm. Do đó, hiểu biết đầy đủ về insulin là điều kiện cần

¹Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

Chịu trách nhiệm chính: Vũ Thị Hồng Nhung

Email: hongnhung.dhdd@gmail.com

Ngày nhận bài: 18.3.2025

Ngày phản biện khoa học: 23.4.2025

Ngày duyệt bài: 28.5.2025

thiết để người bệnh có thể tự quản lý bệnh tốt hơn và nâng cao hiệu quả điều trị. Tại Việt Nam, mặc dù số bệnh nhân ĐTĐ sử dụng insulin ngày càng tăng, nhưng nhận thức về cách sử dụng insulin còn nhiều hạn chế. Một số nghiên cứu cho thấy nhiều bệnh nhân có thái độ e ngại khi sử dụng insulin, thậm chí có những hiểu lầm rằng insulin chỉ được dùng cho bệnh nhân giai đoạn nặng. Ngoài ra, mức độ tuân thủ điều trị insulin chưa cao, một phần do thiếu hiểu biết về tác dụng và tác dụng phụ của thuốc. Tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định, chưa có nghiên cứu nào đánh giá cụ thể về kiến thức và thái độ của bệnh nhân ĐTĐ trong việc sử dụng insulin. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng nhận thức và thái độ của bệnh nhân về insulin, đồng thời đưa ra các khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản lý bệnh ĐTĐ.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. Người bệnh ĐTĐ đang điều trị nội trú tại khoa Nội thận tiết niệu - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định có chỉ định sử dụng insulin trong thời gian từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2022

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu: từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2022.

- Địa điểm nghiên cứu: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định.

2.3. Phương pháp chọn mẫu. Chọn mẫu toàn bộ - Lấy tất cả người bệnh đang điều trị nội trú tại khoa Nội thận tiết niệu - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định trong thời gian thu thập số liệu từ đầu tháng 2/2022 đến cuối tháng 5/2022.

Cỡ mẫu nghiên cứu là 105 người bệnh.

2.4. Tiêu chuẩn đánh giá. Đánh giá kiến thức và thái độ với mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, và mỗi câu trả lời "Đồng ý" được 1 điểm (ở phần 1), được 0 điểm (ở phần 2). Tổng điểm tối đa của phần kiến thức là 36 điểm, và tổng điểm tối đa của phần thái độ là 8 điểm.

Có kiến thức đúng khi được ≥ 30 điểm và Thái độ tích cực khi được ≥ 6 điểm.

2.5. Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

2.6. Xử lý và phân tích số liệu. Số liệu sau khi được đọc và làm sạch được nhập vào máy tính và phân tích bằng phần mềm thống kê Stata 10. Với mức ý nghĩa thống kê là $p < 0,05$.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu. Tổng số 105 người bệnh ĐTĐ tham gia nghiên cứu có tuổi trung bình là $69,4 \pm 10,3$ tuổi. Tỷ lệ nam giới là 48,6% và nữ giới là

51,4%. Phần lớn người bệnh sống ở thành thị với tỷ lệ 84,8%. Thời gian mắc bệnh trên 10 năm chiếm 51,4%. Có 73,3% người bệnh mắc ít nhất hai bệnh lý phối hợp.

3.2. Kiến thức về sử dụng insulin

Bảng 3.1: Tỷ lệ người bệnh ĐTĐ có kiến thức, thái độ sử dụng insulin

Nội dung		n (%)	p
Kiến thức	Đúng (Đạt $\geq 30/36$ điểm)	35 (33.3%)	$p < 0,05$
	Không đúng (Đạt $< 30/36$ điểm)	70 (66.7%)	
Thái độ	Tích cực (Đạt $\geq 6/8$ điểm)	78 (74.3%)	$p < 0,05$
	Tiêu cực (Đạt $< 6/8$ điểm)	27 (25.7%)	

Nhận xét: Về kiến thức sử dụng insulin, chỉ 33,3% người bệnh có kiến thức đúng. Điều này là do đối tượng nghiên cứu chưa được tư vấn đầy đủ về việc sử dụng, đề phòng và xử trí các tác dụng phụ khi dùng insulin.

Về thái độ đối với insulin, có 74,3% người bệnh có thái độ tích cực, khác biệt đáng kể so với thái độ tiêu cực không đúng ($p < 0,05$). Điều này có thể giải thích rằng khi sử dụng insulin người bệnh đã thấy lợi ích của nó.

Bảng 3.2: Đánh giá kiến thức về xử trí hạ đường huyết

Xử trí	Kiến thức			Tổng (%)
	Đúng (%)	Sai (%)	Không biết (%)	
Uống nước đường, sữa, hoa quả, bánh kẹo...	96.2	0	3.8	100
Thở đường huyết mao mạch	79.0	15.2	5.7	100
Nằm nghỉ ngơi cho đỡ mệt	96.2	0	3.8	100
Đi khám và vào viện	95.2	1	3.8	100

Nhận xét: Hầu hết các người bệnh đều có kiến thức xử trí hạ đường huyết chiếm tỷ lệ hơn 95%, riêng về thở đường huyết mao mạch, tuy rằng có 79.0% người bệnh có kiến thức về cách xử trí đúng, song cũng có 15.2% người bệnh có kiến thức về cách xử trí sai (16/106).

3.3. Thái độ về sử dụng insulin

Bảng 3.3: Đánh giá thái độ về sử dụng insulin

Nội dung		Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Tổng (%)
Phần 1	Sử dụng insulin giúp ngăn ngừa biến chứng của bệnh	81.9	18.1	100

	Sử dụng insulin giúp cải thiện sức khỏe	84.8	15.2	100
	Sử dụng insulin giúp kiểm soát tốt đường huyết	92.4	7.6	100
	Cách tiêm insulin rất dễ dàng	93.3	6.7	100
Phần 2	Sử dụng insulin là không quản lý bệnh với chế độ ăn uống và thuốc viên	24.8	75.2	100
	Sử dụng insulin nghĩa là sức khỏe xấu đi	29.5	70.5	100

	Tiêm insulin mất nhiều thời gian và công sức	14.2	83.8	100
	Sử dụng insulin làm phụ thuộc hơn vào bác sỹ	36.2	63.8	100

Nhận xét: Có 81,9% cho rằng insulin giúp ngăn ngừa biến chứng của bệnh ĐTĐ. Trong khi đó có 29,5% người bệnh cho rằng: sử dụng insulin nghĩa là sức khỏe xấu đi. Và có hơn 70% người bệnh cho rằng: Sử dụng insulin nghĩa là đã không quản lý được bệnh ĐTĐ với chế độ ăn và thuốc viên.

3.4. Các yếu tố liên quan

Bảng 3.4: Kiến thức, thái độ và các yếu tố liên quan

Yếu tố		Mẫu	Kiến thức đúng	% Kiến thức đúng	p	Thái độ tích cực	% Thái độ tích cực	p
Tuổi	<60 tuổi	n=21	7	33.3%	p>0,05	16	76.2%	p>0,05
	61-74 tuổi	n=75	17	22.7%		56	74.7%	
	>75 tuổi	n=9	0	0%		6	66.7%	
Giới	Nam	n=51	8	15.7%	p>0,05	36	70.6%	p>0,05
	Nữ	n=54	16	29.6%		42	77.8%	
Khu vực sống	Thành thị	n=89	22	24.7%	p>0,05	71	79.8%	p<0,05
	Nông thôn	n=16	2	12.5%		7	43.8%	
Trình độ học vấn	Không đi học	n=5	1	20.0%	p>0,05	3	60.0%	p>0,05
	Cấp 1	n=5	0	0%		4	80.0%	
	Cấp 2	n=48	14	29.2%		38	79.2%	
	Cấp 3	n=22	2	9.1%		16	72.7%	
	Trung học Chuyên nghiệp	n=25	7	28.0%		17	68.0%	
Thời gian mắc bệnh	<1 Năm	n=3	1	33.3%	p<0,05	1	33.3%	p>0,05
	1-5 Năm	n=15	6	40.0%		12	80.0%	
	5-10 Năm	n=33	14	42.4%		29	87.9%	
	>10 Năm	n=54	3	5.6%		36	66.7%	
Bệnh lý phối hợp	Không	n=9	6	66.7%	p<0,05	6	66.7%	p>0,05
	1 Bệnh	n=19	1	5.3%		15	78.9%	
	2 Bệnh trở lên	n=77	17	22.1%		57	74.0%	

Nhận xét: Trình độ học vấn có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ hiểu biết về insulin, với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$). Người mắc nhiều bệnh lý phối hợp có xu hướng hiểu biết về insulin tốt hơn ($p<0,05$). Ngoài ra, nơi cư trú cũng ảnh hưởng đến thái độ của người bệnh, khi nhóm bệnh nhân sống ở thành thị có thái độ tích cực hơn so với nhóm sống ở nông thôn ($p<0,05$).

Thời gian mắc bệnh càng lâu thì người bệnh càng có thái độ tích cực về sử dụng insulin. Mắc bệnh từ 10 năm trở lên có thái độ tích cực chiếm 66.7%, còn lại là 33.3%. Mỗi liên quan này có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu này cho thấy tỷ lệ người bệnh có kiến thức đúng về sử dụng insulin chỉ đạt 33,3%, điều này phản ánh mức độ hiểu biết còn hạn chế của bệnh nhân đái tháo đường (ĐTĐ) tại Bệnh

viện Đa khoa tỉnh Nam Định. Việc thiếu kiến thức về insulin có thể dẫn đến những sai sót trong quá trình sử dụng, làm giảm hiệu quả kiểm soát đường huyết và tăng nguy cơ gặp phải các biến chứng nguy hiểm như hạ đường huyết hoặc tăng đường huyết hồi ứng. Kết quả này tương đồng với một số nghiên cứu trước đây tại Việt Nam và các nước đang phát triển, cho thấy nhận thức của bệnh nhân về insulin vẫn còn nhiều hạn chế.

Về thái độ, phần lớn người bệnh có thái độ tích cực đối với insulin (74,3%). Điều này cho thấy đa số bệnh nhân nhận thức được lợi ích của insulin trong kiểm soát bệnh ĐTĐ. Tuy nhiên, vẫn còn 25,7% bệnh nhân có thái độ tiêu cực, một phần do lo lắng về tác dụng phụ và tâm lý e ngại phụ thuộc vào thuốc. Kết quả này cho thấy cần có sự can thiệp từ nhân viên y tế để tư vấn và giúp bệnh nhân hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của insulin.

Phân tích các yếu tố liên quan cho thấy trình

độ học vẫn ảnh hưởng đáng kể đến kiến thức về insulin, với những người có trình độ học vấn cao hơn có xu hướng hiểu biết tốt hơn về việc sử dụng thuốc. Điều này phù hợp với nghiên cứu trước đó về mối liên hệ giữa trình độ học vấn và khả năng tiếp cận thông tin y tế. Ngoài ra, thời gian mắc bệnh cũng ảnh hưởng đến thái độ sử dụng insulin, khi bệnh nhân mắc bệnh lâu năm thường có thái độ tích cực hơn do đã quen thuộc với phương pháp điều trị.

Bên cạnh đó, khu vực sống cũng có ảnh hưởng đến thái độ của bệnh nhân. Người sống ở khu vực thành thị có thái độ tích cực hơn so với người ở nông thôn, có thể do sự khác biệt trong khả năng tiếp cận thông tin và dịch vụ y tế. Điều này cho thấy cần có những chương trình giáo dục sức khỏe tập trung vào nhóm bệnh nhân sống ở khu vực nông thôn để nâng cao nhận thức của họ về insulin.

V. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Nghiên cứu này cho thấy rằng kiến thức về sử dụng insulin của người bệnh ĐTĐ tại Bệnh

viện Đa khoa tỉnh Nam Định còn nhiều hạn chế. Mặc dù vậy, thái độ của người bệnh đối với insulin tương đối tích cực.

Những phát hiện này nhấn mạnh sự cần thiết của việc tăng cường giáo dục sức khỏe và hỗ trợ từ nhân viên y tế để cải thiện việc sử dụng insulin trong cộng đồng bệnh nhân ĐTĐ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Tạ Văn Bình** (2006), "Bệnh Đái tháo đường - Tăng glucose máu", Nhà xuất bản Y học, Tr 16 – 86.
2. **Tạ Văn Bình** (2004), "Người bệnh Đái tháo đường cần biết", Nhà xuất bản Y học, Tr 12 - 30.
3. **Bùi Nguyên Kiểm** (2010), "Insulin lâm sàng", bệnh viện đa khoa Xanh Pôn.
4. **Nội tiết học đại cương** (2003), Nhà xuất bản Y học, Tr 335 - 378.
5. **Đào Văn Phan** (2005), "Dược lý học lâm sàng", Nhà xuất bản Y học, Tr 516 – 593.
6. **Fatma Al - Maskari et al** (2007), Prevalence of risk factors diabetic foot complication: BMC Family Practice (8): 59
7. **WHO** (2006), "Definition and diagnosis of diabetes mellitus and intermediate hyperglycemia".

KHẢO SÁT NỒNG ĐỘ VÀ XÁC ĐỊNH MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA CYSTATIN C VÀ HORMONE TUYẾN GIÁP Ở BỆNH NHÂN CƯỜNG GIÁP

Đoàn Duy Huyền^{1,2}, Đoàn Thị Kim Châu¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Nồng độ cystatin C trong huyết thanh được đề xuất có mối liên quan với các thông số chức năng tuyến giáp và có thể sử dụng để theo dõi điều trị ở bệnh nhân cường giáp. Tuy nhiên, các dữ liệu hiện có vẫn chưa có sự thống nhất, đặc biệt tại Việt Nam. **Mục tiêu:** Khảo sát nồng độ và xác định mối tương quan giữa cystatin C và các hormone tuyến giáp trong máu. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích trên 63 bệnh nhân đến khám và điều trị cường giáp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận từ tháng 09 năm 2024 đến tháng 03 năm 2025. **Kết quả:** Về đặc điểm chung, tỷ lệ nữ/nam = 3,85, độ tuổi trung bình là $44,59 \pm 13,08$, phần lớn dưới 50 tuổi. Chỉ số khối cơ thể trung bình là $20,0 \pm 3,35$, tỷ lệ gầy chiếm đến 41,3%. Nồng độ FT3, FT4 và TSH trong máu có trung vị lần lượt là 3,58 pmol/L, 1,38 p/mol/L và 0,215 mUI/L. Nồng độ cystatin C máu trung bình là $0,82 \pm 0,19$ mg/L. Nồng độ cystatin C có mối tương quan

thuận với nồng độ FT3 ($r=0,666$; $p<0,001$) và FT4 ($r=0,447$; $p<0,001$). Ngược lại, nồng độ cystatin C tương quan nghịch với nồng độ TSH ($r=-0,526$; $p<0,001$). **Kết luận:** Nồng độ cystatin C cho thấy có mối tương quan thuận với nồng độ FT3, FT4 và tương quan nghịch với TSH.

Từ khóa: Cystatin C, FT3, FT4, TSH, cường giáp.

SUMMARY

SURVEY OF CYSTATIN C LEVELS AND DETERMINE THE CORRELATION WITH THYROID HORMONES IN HYPERTHYROIDISM PATIENTS

Background: Serum cystatin C levels have been suggested to be associated with thyroid function parameters and may serve as a monitoring tool in the treatment of hyperthyroidism. However, existing data remains inconsistent, particularly in Vietnam. **Objective:** To investigate the serum levels of cystatin C and determine the correlation between cystatin C and thyroid hormones. **Materials and methods:** This descriptive, cross-sectional study with analysis included 63 patients diagnosed with hyperthyroidism who sought treatment at Binh Thuan Provincial General Hospital from September 2024 to March 2025. **Results:** The female-to-male ratio was 3.85, with a mean age of 44.59 ± 13.08 years, most of whom were under 50 years old. The average body mass

¹Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

²Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận

Chịu trách nhiệm chính: Đoàn Duy Huyền

Email: huyendoanbsbt@gmail.com

Ngày nhận bài: 21.3.2025

Ngày phản biện khoa học: 23.4.2025

Ngày duyệt bài: 27.5.2025